

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG DHSP NGHỆ THUẬT TW

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2488/QĐ-DHSPNTTW

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo
ngành Công nghệ may trình độ đại học của Trường DHSP Nghệ thuật TW
theo Thông tư 17/2021/TT-BGDDT

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG DHSP NGHỆ THUẬT TW

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 26/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ
về thành lập Trường DHSP Nghệ thuật TW;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ
tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDDT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và
Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDDT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và
Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm
định và ban hành chương trình chương trình đào tạo các trình độ của Giáo dục đại
học;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HDT ngày 27/10/2022 của Hội đồng Trường
DHSP Nghệ thuật TW về việc ban hành quy chế Tổ chức và hoạt động Trường DHSP
Nghệ thuật TW và Nghị quyết số 08/NQ-DHSPNTTW-HDT ngày 05/6/2023 về việc
sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức và hoạt động Trường DHSP Nghệ thuật TW;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Công
nghệ may trình độ đại học;

Căn cứ đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo ngành Công nghệ may trình độ đại học
của Trường DHSP Nghệ thuật TW theo Thông tư 17/2021/TT-BGDDT.

(Chương trình đào tạo kèm theo quyết định này)

Điều 2. Chương trình đào tạo tại Điều 1 áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ
năm 2023.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo, các phòng chức năng, các đơn vị
hữu quan của Trường DHSP Nghệ thuật Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định
này. /.

Nơi nhận:

- HDT (để bc);
- Ban Giám hiệu (để bc);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu VT; DT (06).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH

PGS. TS. Lê Vinh Hưng

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: Công nghệ may

Mã số: 7540204

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Công nghệ may

+ Tiếng Anh: Garment Technology

- Mã ngành tuyển sinh: 7540204

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Thời gian đào tạo: 04 năm

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Đại học Công nghệ may

+ Tiếng Anh: The Degree of Bachelor Garment Technology

- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.

- Thời gian thiết kế/điều chỉnh chương trình đào tạo: Năm 2023

- Căn cứ pháp lý xây dựng chương trình đào tạo:

+ Căn cứ Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 06 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

+ Căn cứ Thông tư 17/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Căn cứ Quyết định số 1364/QĐ-ĐHSPNTTW ngày 29 tháng 9 năm 2021 về việc ban hành Hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương;

- Căn cứ Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

PHẦN II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung

Chương trình khung đại học ngành Công nghệ may nhằm đào tạo người học những kiến thức nền tảng và chuyên sâu trong lĩnh vực thời trang, may mặc, phát triển và thực hiện các ý tưởng một cách sáng tạo phù hợp với xu hướng thời trang; làm cơ sở cho việc áp dụng những nguyên lý kỹ thuật và các kỹ năng thực hành để tổ chức triển khai trong quá trình sản xuất công nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực cho sự phát triển kinh tế xã hội; có khả năng học tập nâng cao trình độ ở các bậc đào tạo cao hơn để có thể phát triển toàn diện hơn.

2. Mục tiêu cụ thể

1. Về kiến thức

1.1. Khối kiến thức chung

Vận dụng được kiến thức các môn học: Triết học Mác - Lê nin, Kinh tế chính trị Mác - Lê nin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trong giải quyết các vấn đề của cuộc sống, học tập và lao động nghề nghiệp.

1.2. Khối kiến thức chung của nhóm ngành

Vận dụng các kiến thức về quá trình hình thành, phát triển của lịch sử mỹ thuật Việt Nam và Thế giới, nghệ thuật học, mỹ học, tâm lý học trong học tập, nghiên cứu ngành công nghệ may.

1.3. Khối kiến thức cơ sở ngành

- Hiểu các kiến thức cơ bản về mỹ thuật và thẩm mỹ được ứng dụng trong lĩnh vực công nghệ thời trang.

- Vận dụng các kiến thức về hình họa, trang trí và cơ sở tạo hình nói chung, có khả năng sử dụng thành thạo các yếu tố và phương tiện tạo hình để thể hiện các quá trình nghiên cứu sáng tác, thiết kế mỹ thuật sản phẩm thời trang và mỹ thuật ứng dụng để ra được các mẫu sản phẩm cụ thể.

1.4. Khối kiến thức chuyên ngành

- Nắm được các kỹ thuật công nghệ cắt may cơ bản và nâng cao, biết phương pháp thiết kế các loại sản phẩm thời trang ứng dụng trong cuộc sống.

- Nhận biết về tính chất các loại nguyên phụ liệu may, có khả năng chọn lựa, phối hợp và xử lý các chất liệu để tạo mới các nguyên vật liệu.

- Biết tổ chức, sản xuất và kinh doanh dịch vụ liên quan đến lĩnh vực công nghệ thời trang.

- Nhận diện được các đặc điểm đặc trưng của sản phẩm thời trang về tạo hình mỹ thuật ứng dụng, làm cơ sở đề xuất phương án thiết kế phù hợp.

- Có kiến thức về việc phân tích bố cục, vận dụng màu sắc và chất liệu để sáng tác các mẫu trang phục mới, đặc biệt là thực hiện các bộ sưu tập trong lĩnh vực thời trang ứng dụng và trình diễn.

- Biết áp dụng các nguyên lý sáng tạo vào lĩnh vực công nghệ may và biết phương pháp phát triển sản phẩm từ các ý tưởng thiết kế cho các mẫu trang phục thời trang.

- Có kiến thức về được các công đoạn kỹ thuật trong thiết kế mẫu phẳng và thiết kế mẫu trên Manequin để áp dụng vào quá trình thiết kế các sản phẩm công nghệ thời trang có giá trị thẩm mỹ cao.

- Nhận biết được xu hướng phát triển thời trang, đánh giá và chọn lọc những tiên bộ của khoa học kỹ thuật để áp dụng vào thiết kế sáng tạo phù hợp với nhu cầu xã hội.

- Tiếp thu và ứng dụng các kiến thức hỗ trợ trong lĩnh vực công nghệ thời trang như: trang điểm, nhiếp ảnh và thiết kế phụ trang.

1.5. Kiến thức thực tập và tốt nghiệp

- Hiểu và vận dụng được quy trình công nghệ thiết kế sản phẩm thời trang theo nhu cầu của xã hội.

- Hiểu và vận dụng được quy trình thực hiện khoá luận tốt nghiệp; cách lập kế hoạch và khai thác các điều kiện học tập để hoàn thành tốt khoá luận.

- Vận dụng được phương pháp nghiên cứu thiết kế mỹ thuật sản phẩm thời trang trong sản xuất công nghiệp tại doanh nghiệp. Có khả năng về công nghệ thiết kế thời

trang mang tính kĩ thuật và thẩm mỹ cao đáp ứng nhu cầu phát triển xã hội, được ứng dụng, đạt hiệu quả tốt về kinh tế.

2. Về kỹ năng

- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực được đào tạo; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền.

- Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn;

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

PHẦN III. CHUẨN ĐẦU VÀO VÀ THÔNG TIN TUYỂN SINH

1. Chuẩn đầu vào

- Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
- Hoàn thành chương trình mỹ thuật phổ thông
- Nắm được kỹ năng vẽ hình, tả đậm nhạt, tỷ lệ, vẽ đúng đặc điểm mẫu, đúng ánh sáng, không gian
- Sử dụng thành thạo bảng màu hội họa, kỹ thuật vẽ bột màu, màu goát

2. Thông tin tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh:
 - + Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
 - + Hoàn thành chương trình mỹ thuật phổ thông
 - + Nắm được kỹ năng vẽ hình, tả đậm nhạt, tỷ lệ, vẽ đúng đặc điểm mẫu, đúng ánh sáng, không gian
 - + Sử dụng thành thạo bảng màu hội họa, kỹ thuật vẽ bột màu, màu goát
- Hình thức tuyển sinh:

Môn văn hóa: Xét tuyển

Xét tuyển theo hai hình thức:

- Xét điểm môn văn hóa *căn cứ kết quả trong Học bạ THPT*, là điểm trung bình cộng cuối năm học của năm lớp 10+11+12, điều kiện xét vào hệ đại học là điểm trung bình môn văn hóa phải đạt từ **5.0**;

- Xét điểm môn văn hóa *căn cứ kết quả trong kỳ thi Quốc gia (từ năm 2015 thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT)*;

* Thí sinh tự lựa chọn 01 trong 02 hình thức xét điểm trên khi đăng ký dự thi (đăng ký trên Hồ sơ đăng ký dự thi).

* Thí sinh có điểm trung bình cộng môn văn hóa căn cứ theo Học bạ không đạt 5.0, có thể đăng ký xét điểm môn Ngữ văn theo kết quả trong kỳ thi Quốc gia và đạt mức đảm bảo chất lượng theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thi tuyển: Năng khiếu (nhân hệ số 2)

* Môn 1: Hình họa

* Môn 2: Vẽ màu

- Thí sinh có thể chọn thêm phương thức xét tuyển, lựa chọn 1 trong 2 tổ hợp sau:

1. Ngữ văn – Toán – Tiếng Anh

2. Toán – Lý - Hóa

- Dự kiến qui mô tuyển sinh: theo chỉ tiêu hàng năm của Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.

PHẦN IV. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mã CDR	Chi tiết
	CDR - Kiến thức

KT1	- Hiểu biết và có khả năng vận dụng kiến thức cơ bản về lý luận chính trị vào phân tích và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn cuộc sống; làm cơ sở cho nền tảng tư tưởng, phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và thực hành khối kiến thức chuyên ngành. - Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, kiến thức quốc phòng - an ninh, Pháp luật đại cương, giáo dục thể chất trong giải quyết các vấn đề của cuộc sống, học tập và lao động nghề nghiệp
KT2	Có kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất. Tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật về tự nhiên và xã hội
KT3	Có kiến thức nền tảng cơ bản về mỹ thuật, cơ sở tạo hình, các nguyên tắc thiết kế, phương pháp thiết kế tạo mẫu hình ảnh, kỹ thuật thiết kế, xử lý chất liệu vải hỗ trợ cho việc thể hiện ý tưởng
KT4	Nắm chắc phương pháp thiết kế, thiết kế có tính ứng dụng cao, trình diễn; lựa chọn các phương pháp, phương tiện phù hợp mục tiêu, nội dung, đối tượng hiệu quả nhất.
KT5	Hiểu và vận dụng kiến thức cơ bản về công nghệ, phương pháp thiết kế, các công cụ, phần mềm hỗ trợ cho thiết kế mẫu hình ảnh trang phục, thực hiện mẫu trang phục.
CDR - Kỹ năng	
KN1	Có kỹ năng sắp xếp, tìm kiếm, thu thập, phân tích, tổng hợp thông tin và xây dựng báo cáo, giải quyết các vấn đề theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới. Hình thành ý tưởng thiết kế thông qua quá trình tổng hợp và phân tích các nguồn tư liệu sáng tác như: hội họa, mỹ thuật, chất liệu, thực tế cuộc sống
KN2	Có Kỹ năng triển khai và vận hành được quy trình sản xuất sản phẩm từ khâu hình thành ý tưởng đến các công đoạn thiết kế và gia công mẫu trong sản xuất.
KN3	Có kỹ năng nghiên cứu và tổng hợp thị hiếu tiêu dùng, nhu cầu xã hội nhằm hình thành ý tưởng và triển khai phát triển sản xuất theo những định hướng thay đổi của thời trang.

KN4	Có kỹ năng tìm kiếm, nghiên cứu kiến thức mới, ứng dụng các kỹ thuật, phương pháp mới và thành thạo các kỹ năng giải quyết những vấn đề chuyên môn của ngành vào thực tiễn.
KN5	Khả năng thu thập và tổng hợp tài liệu, quản lý thời gian, thích ứng với sự thay đổi, khả năng thuyết trình, giao tiếp hiệu quả giữa các cá nhân, giao tiếp bằng văn bản hoặc email
KN6	Có khả năng tổ chức, quản lý và làm việc nhóm (đa ngành), xây dựng và triển khai kế hoạch làm việc của nhóm, chấp nhận sự khác biệt vì mục tiêu chung.
CDR -Mức tự chủ và trách nhiệm	
TC1	- Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học tập cao hơn nhằm nâng cao trình độ lý luận chính trị, trình độ chuyên môn. - Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, nhiệt huyết và luôn có tinh thần hợp tác, trách nhiệm với công việc; tích cực tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ công dân
TC2	Có ý thức trách nhiệm, tự tin, chủ động, kiên trì, linh hoạt trong công việc, có khả năng tự định hướng để phát triển nghề nghiệp
TC3	Có động cơ nghề nghiệp đúng đắn nhằm tạo ra các sản phẩm thời trang có chất lượng, có giá trị kinh tế và giá trị thẩm mỹ, mang tính ứng dụng cao.

PHẦN V. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng đảm nhiệm các vị trí công tác sau:

Nhóm 1. Đảm nhiệm các công việc về thiết kế mỹ thuật thời trang

- Làm việc tại các tổ chức trong nước, liên kết và hợp tác nước ngoài có liên quan đến công nghệ thời trang.

- Nhà thiết kế thời trang.

- Chuyên gia tư vấn thời trang may mặc.

Nhóm 2. Đảm nhiệm các công việc về quản lý chất lượng sản phẩm

- Nhân viên KCS (kiểm tra chất lượng sản phẩm).
- Đảm nhiệm các công việc về hợp đồng:
 - + Tính định mức nguyên phụ liệu.
 - + Phương án giá thành sản phẩm.
- Đàm phán và ký kết hợp đồng sản xuất kinh doanh.
- Đảm nhiệm các công việc về quản lý đơn hàng:
 - + Merchandiser (Tìm kiếm khách hàng - Dự đoán xu hướng thời trang - Tìm mua nguyên phụ liệu - Dự toán chi phí và giá thành - Lập kế hoạch và theo dõi sản xuất
- Kiểm tra chất lượng - Giao hàng và thanh toán hợp đồng).
 - + Phát triển công nghệ mới.
 - + Trưởng đại diện cho các hãng nước ngoài liên kết hoặc độc lập sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực May – Thời trang.
- Đảm nhiệm các công việc về quản lý: Tổ trưởng sản xuất, tổ trưởng kỹ thuật.

PHẦN VI. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể:

- Có đủ khả năng, điều kiện học lên thạc sĩ, nghiên cứu sinh.
- Làm việc trong các viện, trung tâm nghiên cứu chuyên ngành Dệt May- Thiết kế thời trang; văn phòng giao dịch kinh doanh về may mặc.
- Chuyên gia tư vấn và đào tạo cho các công ty xuất khẩu lao động - du học ngành Công nghệ - Thiết kế thời trang.

PHẦN VII. MA TRẬN LIÊN KẾT NỘI DUNG ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT

Các học phần trong chương trình đào tạo	CHUẨN ĐẦU RA														
	Kiến thức					Kỹ năng						Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
	Từ 1 đến 5					Từ 1 đến 6						Từ 1 đến 3			
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	K N 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	TC 1	TC 2	TC 3	
1. Khối kiến giáo dục đại cương															
Triết học Mác- Lê nin															
Kinh tế chính trị Mác- Lê nin	3					4						3			
Chủ nghĩa xã hội khoa học	3					4						3			
Tư tưởng Hồ Chí Minh	3					4						3			
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3					4						4			
Pháp luật đại cương	3					4						4			
Tin học cơ bản	1	2	3			1	2	3				1	2	3	
Tiếng Anh 1	1	2				1	2	3				1	2	3	
Tiếng Anh 2	1	2										2	2	3	
Giáo dục thể chất 1	2	5								5	5	2	5		
Giáo dục thể chất 2	2	5								5	5	2	5		

Các học phần trong chương trình đào tạo	CHUẨN ĐẦU RA														
	Kiến thức					Kỹ năng						Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
	Từ 1 đến 5					Từ 1 đến 6						Từ 1 đến 3			
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	K N 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	TC 1	TC 2	TC 3	
Giáo dục quốc phòng		2	3									1	2		
2. Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành															
2.1. Các học phần bắt buộc															
Phương pháp nghiên cứu khoa học					5				4				2		
Trang trícobản	1	2										1	2		
Hình họa 1	1	2										1	2		
Hình họa 2			3	4		1	2	3				1	2		
Hình họa 3			3	4		1	2	3				1	2		
Hình họa 4			3	4		1	2	3				1	2		
2.2. Các học phần tự chọn			3	4		1	2	3				1	2		
Diễn họa Thời trang 1			3	4		1	2	3				1	2		
Vật lý			3	4		1	2	3				1	2		
Xác suất thống kê	1	2	3				2	3				1	2		

Các học phần trong chương trình đào tạo	CHUẨN ĐẦU RA														
	Kiến thức					Kỹ năng						Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
	Từ 1 đến 5					Từ 1 đến 6						Từ 1 đến 3			
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	K N 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	TC 1	TC 2	TC 3	
Kỹ năng khởi nghiệp	1	2	3				2	3				1	2		
Nhập môn logic học		2	3				2	3				1	2		
Kỹ năng thuyết trình	1	2	3				2	3					2		
3. Khối kiến thức cơ sở ngành															
3.1. Các học phần bắt buộc															
Vật liệu may	1	2	3				1	2	3			1	2		
Tạo mẫu trang phục 1	1	2	3				1	2				1	2		
Tạo mẫu trang phục 2	1	2	3				1	2				1	2		
Đồ họa công nghệ may	1	2					1	2				1	2		
Diễn họaThời trang 2	1	2					1	2				1	2		
Thiết bị may	1	2					1	2				1	2		
Cơ sở thiết kế kỹ thuật trang phục	1	2					1	2				1	2		
3.2. Các học phần tự chọn															
Mỹ thuật trang phục		2	3	4		1	2	3				1	2		

Các học phần trong chương trình đào tạo	CHUẨN ĐẦU RA													
	Kiến thức					Kỹ năng						Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
	Từ 1 đến 5					Từ 1 đến 6						Từ 1 đến 3		
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	TC 1	TC 2	TC 3
Maketing hệ thống thời trang			3	4		1	2					1	2	
Công nghệ xử lý chất liệu may			3	4		1	2					1	2	
Kỹ thuật tạo chất liệu vải			3	4		1	2				6	1	2	
Sáng tác phụ trang			3	4		1	2	3				1	2	
Lịch sử trang phục Việt Nam và Thế giới			3	4		1	2	3				1	2	
Giải phẫu tạo hình			3			1	2	3			6	1	2	3
4. Khối kiến thức chuyên ngành														
4.1. Các học phần bắt buộc														
Công nghệ may 1			3	4		1	2					1	2	
Công nghệ may 2			3	4		1	2	3			6	1	2	
Công nghệ may 3			3	4		1	2	4				1	2	
Thực hành công nghệ may 1			3	4		1	2					1	2	
Thực hành công nghệ may 2			3	4		1	2					1	2	
Thực hành công nghệ may 3			3	4		1	2					1	2	

Các học phần trong chương trình đào tạo	CHUẨN ĐẦU RA													
	Kiến thức					Kỹ năng						Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
	Từ 1 đến 5					Từ 1 đến 6						Từ 1 đến 3		
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	K N 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	TC 1	TC 2	TC 3
Thực hành công nghệ may 4				4	5	1	2					1	2	
Tiếng Anh chuyên ngành	1					1						1		
Tin học chuyên ngành 1			3	4		1	2	3				1	2	
Tin học chuyên ngành 2			3	4	5	1	2	3	4			1	2	
Thực hành thiết kế kỹ thuật trang phục 1			3	4	5	1	2	3				1	2	
Thực hành thiết kế kỹ thuật trang phục 2			3	4	5	1	2	3	4			1	2	
Thực hành thiết kế kỹ thuật trang phục 3			3	4		1	2	3	4			1	2	
Trang trí chuyên ngành												1	2	
Đồ án công nghệ			3	4	5	1	2	3	4			1	2	
Tạo mẫu trang phục 3			3	4		1	2					1	2	
4.2. Các học phần tự chọn			3	4		1	2					1	2	
Tổ chức và quản lý sản xuất may công nghiệp			3	4		1	2					1	2	
Xử lý hoàn tất sản phẩm may			3	4	5	1	2					1	2	
Kỹ thuật dựng rập 3D trên manocanh			3	4	5	1	2	3				1	2	

Các học phần trong chương trình đào tạo	CHUẨN ĐẦU RA													
	Kiến thức					Kỹ năng						Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
	Từ 1 đến 5					Từ 1 đến 6						Từ 1 đến 3		
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	K N 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	TC 1	TC 2	TC 3
An toàn công nghiệp và môi trường				4	5	1	2					1	2	
Thiết kế và lắp đặt chuyền may			3	4		1	2	3				1	2	
Lập kế hoạch sản xuất may công nghiệp			3	4		1	2					1	2	
Sáng tác mẫu trên phần mềm tin học			3	4		1	2					1	2	
5. Kiến thức thực tế, thực tập nghề nghiệp														
Thực tế chuyên môn 1			3	4		1	2					1	2	
Thực tập tốt nghiệp			3	4		1	2					1	2	3
Đồ án tổng hợp tiền tốt nghiệp													2	3
6. Khối kiến thức cuối khóa														
Đồ án tốt nghiệp			3	4	5	1	2	3	4	5			2	3

PHẦN VIII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 132 tín chỉ (không tính học phần Giáo dục quốc phòng)

Trong đó:

1.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương (M1) **27 tín chỉ**

1.2. Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành (M2) **18 tín chỉ**

+ *Bắt buộc: 13*

+ *Tự chọn: 5/13*

1.3. Khối kiến thức cơ sở ngành (M3) **24 tín chỉ**

+ *Bắt buộc: 18*

+ *Tự chọn: 6/14*

1.4. Khối kiến thức chuyên ngành (M4) **46 tín chỉ**

+ *Bắt buộc: 41*

+ *Tự chọn: 5/15*

1.5. Khối kiến thức thực tế chuyên môn, thực tập (M5) **9 tín chỉ**

1.6. Khối kiến thức cuối khóa (M6) **8 tín chỉ**

2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				<i>Giảng lý thuyết</i>	<i>Hướng dẫn học tập</i>	<i>Tự học/ Tự nghiên cứu</i>	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	M1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	27				
1	POL2009	Triết học Mác - Lênin	3	39	12	99	Không
2	POL2010	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	26	8	66	Triết học Mác - Lênin
3	POL2011	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	26	8	66	Kinh tế chính trị Mác - Lênin
4	POL2003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	26	8	66	Chủ nghĩa xã hội khoa học
5	POL2013	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	26	8	66	Tư tưởng Hồ Chí Minh
6	POL2007	Pháp luật đại cương Introduction to Laws	2	26	8	66	
7	INF2001	Tin học cơ bản Introduction to Informatics	2	10	24	66	Không

Số TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				<i>Giảng lý thuyết</i>	<i>Hướng dẫn học tập</i>	<i>Tự học/ Tự nghiên cứu</i>	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
8	CFL2001	Tiếng Anh 1	4	52	16	132	Không
9	CFL2002	Tiếng Anh 2	3	39	12	99	Tiếng Anh 1
10	PPE2010	Giáo dục thể chất 1 Physical Education 1	2	4	46	50	Điều kiện học trước
11	PPE2011	Giáo dục thể chất 2 Physical Education 2 (Cầu lông, Võ thuật, Khiêu vũ)	3	6	69	75	
12	GDQP	Giáo dục quốc phòng					Không
II	M2	Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành	18				
II.1		<i>Các học phần bắt buộc</i>	13				
13	PPE2008	Phương pháp nghiên cứu khoa học Scientific Method of Research	2	26	8	66	Không
14	DGI2002	Trang trí cơ bản Basic Decoration	3	22.5	45	82.5	Không

Số TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				<i>Giảng lý thuyết</i>	<i>Hướng dẫn học tập</i>	<i>Tự học/ Tự nghiên cứu</i>	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
15	FAD2050	Hình hoạ 1 Figure 1	2	15	30	55	Không
16	FAD2051	Hình hoạ 2 Figure 2	2	15	30	55	Hình hoạ 1
17	FAD2052	Hình hoạ 3 Figure 3	2	15	30	55	Hình hoạ 2
18	FAD2053	Hình hoạ 4 Figure 4	2	15	30	55	Hình hoạ 3
II.2		<i>Các học phần tự chọn</i>	5/13				
19	DGI2056	Diễn họa thời trang 1 Animation 1 Blocks Design of Costumes	2	15	30	55	
20	DGI2004	Vật lý Physics	2	26	4	70	Không
21	DGI2007	Xác suất thống kê Probability and Statistic	2	26	4	54	Không
22	PPE2030	Kỹ năng khởi nghiệp	3	39	12	99	Không

Số TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				<i>Giảng lý thuyết</i>	<i>Hướng dẫn học tập</i>	<i>Tự học/ Tự nghiên cứu</i>	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
23	DGI2008	Nhập môn logic học Introduction to Logics	2	26	4	70	Không
24	DGI2009	Kỹ năng thuyết trình Presentation Skills	2	26	4	70	Không
III	M3	Khối kiến thức cơ sở ngành	24				
III.1		Các học phần bắt buộc	18				
25	DGI2054	Vật liệu may Garment Materials	3	39	6	105	Không
26	FAD2024	Tạo mẫu trang phục 1 Fashion Design 1	3	22.5	45	82.5	Không
27	FAD2025	Tạo mẫu trang phục 2 Fashion Design 2	3	22.5	45	82.5	FAD 2024 Tạo mẫu trang phục 1
28	DGI2014	Đồ họa công nghệ may Garment Technology Graphics	2	15	30	55	Không

Số TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				<i>Giảng lý thuyết</i>	<i>Hướng dẫn học tập</i>	<i>Tự học/ Tự nghiên cứu</i>	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
29	DGI2057	Diễn họa Thời trang 2 – Animation 2 Blocks Design of Costumes	2	15	30	55	DGI 2056 Diễn họa Thời trang 1
30	DGI2016	Thiết bị may Sewing Equipment	2	26	4	70	Không
31	DGI2017	Cơ sở thiết kế kỹ thuật trang phục Base Technical of Costume Design	3	22.5	45	82.5	Không
III.2		<i>Các học phần tự chọn</i>	6/14				
32	DGI2018	Mỹ thuật trang phục	2	26	4	70	Không
33	DGI2019	Marketing hệ thống thời trang Fashion of Marketing System	2	26	4	70	Không
34	DGI2058	Công nghệ xử lý chất liệu may Sewing material processing technology	2	26	4	70	Không

Số TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				<i>Giảng lý thuyết</i>	<i>Hướng dẫn học tập</i>	<i>Tự học/ Tự nghiên cứu</i>	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
35	DGI2021	Kỹ thuật tạo chất liệu vải Fabric Design Techniques	2	15	30	55	Không
36	FAD2038	Sáng tác phụ trang Accessories Design	2	15	30	55	Không
37	FAD2017	Lịch sử trang phục Việt Nam và thế giới The History of Vietnam and the World Costume	2	26	4	70	Không
38	FAD2006	Giải phẫu tạo hình Plastic surgery	2	20	30	50	Không
IV	M4	Khối kiến thức chuyên ngành	46				
IV.1		Các học phần bắt buộc	41				
39	FAD2009	Công nghệ may 1 Garment Technology 1	2	26	4	70	Không
40	FAD2010	Công nghệ may 2 Garment Technology 2	2	26	4	70	Không FAD 2009

Số TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Giảng lý thuyết	Hướng dẫn học tập	Tự học/ Tự nghiên cứu	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
							Công nghệ may 1
41	DGI2023	Công nghệ may 3 Garment Technology 3	2	26	4	70	FAD 2010 Công nghệ may 2
42	FAD2011	Thực hành công nghệ may 1 Practice of Sewing Technology 1	3	22.5	45	82.5	Không
43	FAD2012	Thực hành công nghệ may 2 Practice of Sewing Technology 2	3	22.5	45	82.5	FAD 2011 Thực hành công nghệ may 1
44	DGI2024	Thực hành công nghệ may 3 Practice of Sewing Technology 3	3	22.5	45	82.5	FAD 2012 Thực hành công nghệ

Số TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Giảng lý thuyết	Hướng dẫn học tập	Tự học/ Tự nghiên cứu	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
							nghệ may 2
45	DGI2025	Thực hành công nghệ may 4 Practice of Sewing Technology 4	3	22.5	45	82.5	DGI 2024 Thực hành công nghệ may 3
46	CFL2010	Tiếng Anh chuyên ngành English for Specific Purposes in Garment Technology	2	26	8	66	CFL 2002 Tiếng Anh 2
47	DGI2026	Tin học chuyên ngành 1 Specialized Informatics 1	2	15	30	55	Không
48	DGI2027	Tin học chuyên ngành 2 Specialized Informatics 2	2	15	30	55	DGI 2026 Tin học chuyên ngành 1

Số TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Giảng lý thuyết	Hướng dẫn học tập	Tự học/ Tự nghiên cứu	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
49	DGI2028	Thực hành thiết kế kỹ thuật trang phục 1 Practical Technical Design of Costumes 1	2	15	30	55	Không
50	DGI2029	Thực hành thiết kế kỹ thuật trang phục 2 Practical Technical Design of Costumes 2	3	22.5	45	82.5	DGI 2028 Thực hành thiết kế kỹ thuật trang phục 1
51	DGI2030	Thực hành thiết kế kỹ thuật trang phục 3 Practical Technical Design of Costumes 3	3	22.5	45	82.5	DGI 2029 Thực hành thiết kế kỹ thuật trang phục 2
52	DGI2032	Trang trí chuyên ngành Specialized Decoration	3	22.5	45	82.5	DGI 2002 Trang trí cơ bản

Số TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				<i>Giảng lý thuyết</i>	<i>Hướng dẫn học tập</i>	<i>Tự học/ Tự nghiên cứu</i>	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
53	DGI2033	Đồ án công nghệ Sub-Project of Technology	3	22.5	45	82.5	DGI 2025 Thực hành công nghệ may 4
54	FAD2026	Tạo mẫu trang phục 3	3	22.5	45	82.5	FAD 2025 Tạo mẫu trang phục 2
IV.2		<i>Các học phần tự chọn</i>	5/15				
55	DGI2035	Tổ chức và quản lý sản xuất may công nghiệp Organizing and Managing the Production of Industrial Garment	2	26	4	70	Không
56	DGI2036	Xử lý hoàn tất sản phẩm may	2	26	4	70	Không

Số TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Giảng lý thuyết	Hướng dẫn học tập	Tự học/ Tự nghiên cứu	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		Chemical Treatment for Garment Products					
57	DGI2037	Kỹ thuật dựng rập 3D trên Manơcanh Technical of Draping 3D on Mannequin	3	22.5	45	82.5	Không
58	DGI2038	An toàn công nghiệp và môi trường Industrial and Environmental Safety	2	26	4	70	Không
59	DGI2039	Thiết kế và lắp đặt chuyên may Design and Installation of Garment Lines	2	26	4	70	Không
60	DGI2040	Lập kế hoạch sản xuất may công nghiệp Planning the Production Organization of Industrial Garment	2	26	4	70	Không
61	DGI2041	Sáng tác mẫu trên phần mềm tin học	2	26	4	70	Không

Số TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Giảng lý thuyết	Hướng dẫn học tập	Tự học/ Tự nghiên cứu	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
		Applied Informatics in Design Samples Garment					
V	M5	Khối kiến thức thực tế, thực tập nghề nghiệp	9				
62	FAD2045	Thực tế chuyên môn 1 Professional practice 1	2	4	26	70	Không
63	DGI 2048	Thực tập tốt nghiệp Graduation Internship	4	8	52	140	Không
64	DGI 2046	Đồ án tổng hợp tiền tốt nghiệp Pre-sum Diploma Project	3	6	39	105	Đồ án công nghệ DGI 2033
VI	M6	Khối kiến thức cuối khóa	8				
65	DGI 2047	Đồ án tốt nghiệp Diploma Project	8				Các học phần theo quy định
Tổng cộng			132				